



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN – CÔNG TY BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn - dưới đây gọi là Công ty, cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 3 tháng 7 năm 2009.

Trụ sở hoạt động của Công ty : Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Hệ thống các chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại Bắc Ninh: thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 21.13.000043 ngày 09 tháng 09 năm 2004 (Đăng ký thay đổi lần 1 - ngày 27 tháng 07 năm 2007).

Địa chỉ: khu Công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại Tân Tạo: thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113026781 ngày 04 tháng 04 năm 2007.

Địa chỉ: Lô 9, đường C, khu Công nghiệp Tân Tạo A, quận Bình Tân.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).
- Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.
- Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.
- Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.
- Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).
- Đào tạo dạy nghề.
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở).
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ.
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện kể đến 35KV.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi.
- Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN – CÔNG TY BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).
- Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập Internet tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá.
- Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở).
- Môi giới thương mại
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty đang tại chức trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thành Tâm	: Chủ tịch HĐQT
Ông Chung Trí Phong	: Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	: Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	: Ủy viên HĐQT
Ông Đặng Nhật	: Ủy viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Phương Thủy	: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Chí Cường	: Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xuân	: Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Hoàng Phượng	: Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Huy	: Phó Tổng Giám đốc – kiêm Giám đốc CN Bắc Ninh
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đông	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuyên	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hùng Tiến	: Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN – CÔNG TY
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ông Hoàng Sĩ Hóa : Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Lan Hương : Giám đốc Chi nhánh Tân Tạo
Kế toán trưởng
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh : Kế toán trưởng Công ty
Ông Phạm Phúc Hiếu : Kế toán trưởng Chi nhánh Bắc Ninh
Bà Lê Thị Xuân Lài : Kế toán trưởng Chi nhánh Tân Tạo

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2009.

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP.Hồ Chí Minh (AISC)

- Tổng doanh thu : 392.887.759.868 VND
- Tổng chi phí : 307.752.418.169 VND
- Lãi (Lỗ) trước thuế TNDN : 85.135.341.699 VND

4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG SÀI GÒN – CÔNG TY
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính .
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TM. Ban Tổng Giám đốc



HOÀNG SĨ HÓA

Phó Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0709281-TH/AISC-DN1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán các báo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn, dưới đây gọi là "Công ty", từ trang 7 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khoi Nghia St, Ninh Kieu Dist, Can Tho

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscvt@ang.vnn.vn

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên



Phạm Thị Hồng Uyên
Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010



Phạm Văn Vinh
Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		988.253.768.145	210.327.375.783
I. Tiền	110		448.317.394.065	13.539.874.300
1. Tiền	111	V.1	427.157.394.065	13.539.874.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.160.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	40.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	40.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	251.179.993.153	121.155.429.865
1. Phải thu khách hàng	131	V.3.1	17.368.770.781	43.675.811.052
2. Trả trước cho người bán	132	V.3.2	49.916.847.609	3.192.686.968
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3.3	183.894.374.763	74.286.931.845
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	253.000.752.917	16.531.745.141
1. Hàng tồn kho	141		253.000.752.917	16.531.745.141
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	35.755.628.010	19.100.326.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	529.427.063	188.295.202
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.5.2	29.139.236.126	10.608.061.589
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.3	6.086.964.821	8.303.969.686
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.013.110.507.190	998.942.824.626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.6	317.198.546.204	230.338.737.202
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6.1	41.960.580.451	44.433.477.250
- Nguyên giá	222		53.165.992.787	52.437.614.891
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.205.412.336)	(8.004.137.641)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.6.2	8.298.159	14.155.707
- Nguyên giá	228		17.572.610	17.572.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.274.451)	(3.416.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	275.229.667.594	185.891.104.245
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	684.700.525.000	756.898.382.133
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8.1	184.360.000.000	150.297.645.133
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	V.8.2	-	52.805.212.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.3	500.340.525.000	553.795.525.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.211.435.986	11.705.705.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.1	11.162.237.736	11.553.976.668
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.9.2	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9.2	49.198.250	151.728.623
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.001.364.275.335	1.209.270.200.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.256.094.877.510	535.599.855.053
I. Nợ ngắn hạn	310	V.10	622.167.033.142	404.680.247.131
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.1	41.969.000.000	40.693.090.909
2. Phải trả cho người bán	312	V.10.2	347.907.630.085	17.018.019.653
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10.3	5.703.192.870	42.960.903.978
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.4	12.246.376.386	2.139.601.331
5. Phải trả người lao động	315	V.10.5	5.022.222	963.395.358
6. Chi phí phải trả	316	V.10.6	214.325.003.333	141.504.961.456
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10.7	10.808.246	159.400.274.446
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		633.927.844.368	130.919.607.922
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.11.1	157.160.300.823	1.449.698.831
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11.2	476.767.543.545	129.469.909.091
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		745.269.397.825	673.670.345.356
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	745.015.485.309	672.980.186.083
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		672.749.980.000	585.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(3.100.000)	(50.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		72.268.605.309	87.980.236.083
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.13	253.912.516	690.159.273
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		253.912.516	690.159.273
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.001.364.275.335	1.209.270.200.409

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2010

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ-VIỄN THÔNG
SÀI GÒN
QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH



HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	376.857.821.084	1.085.562.689.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	222.808.042.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		376.857.821.084	862.754.646.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	291.871.917.490	792.969.679.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		84.985.903.594	69.784.967.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.086.528.751	21.546.617.093
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.056.298.352	8.839.545.583
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.643.292.418	3.247.616.707
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	-	171.506.465
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.175.025.490	7.358.233.575
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.841.108.503	74.962.298.655
11. Thu nhập khác	31	VI.7	943.410.033	7.726.198.590
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.649.176.837	7.750.657.987
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		(705.766.804)	(24.459.397)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		85.135.341.699	74.937.839.258
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.176.881.226	1.449.022.807
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80.958.460.473	73.488.816.451
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.287	1.419

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2010



HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		85.135.341.699	74.937.839.258
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.714.411.441	3.519.818.397
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		95.031.151	60.574.816
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.993.275.354)	(21.251.813.193)
Chi phí lãi vay	06		3.643.292.418	3.247.616.707
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		77.594.801.355	60.514.035.985
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(146.623.779.798)	122.888.833.777
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(236.469.007.776)	168.615.193.475
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		716.581.725.752	(109.897.033.187)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		50.607.071	(11.118.749.815)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.643.292.418)	(3.247.616.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.829.374.156)	(30.970.257.958)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	603.442.334
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(436.246.757)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		396.225.433.273	197.387.847.904
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(90.066.941.245)	(90.576.027.894)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		285.046.838	7.315.644.445
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(225.500.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		40.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54.085.000.000)	(50.575.645.133)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.355.212.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.993.275.354	21.191.238.377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(310.018.407.053)	(152.644.790.205)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		(3.050.000)	(50.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33		398.991.161.745	156.216.090.909
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(50.417.618.200)	(198.272.448.697)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		348.570.493.545	(42.056.407.788)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		434.777.519.765	2.686.649.911
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.539.874.300	10.853.224.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		448.317.394.065	13.539.874.300

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2010

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 3 tháng 7 năm 2009) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty cổ phần là: 672.749.980.000 VND

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2009 là: 672.749.980.000 VND

Trụ sở chính công ty hiện đặt tại: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

Sản xuất, mua bán phần mềm.

Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

Đào tạo dạy nghề.

Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).

Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.

Dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV.

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.

Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập internet tại trụ sở).

Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).

Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.

Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở).

Môi giới thương mại

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển

4 Tổng số Công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Công ty: 161 người

Trong đó: Nhân viên quản lý: 26 người.

II NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật Ký Chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009 là 17.941 VND/USD.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao Tài sản cố định: Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao được áp dụng tại Công ty cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25	năm
Máy móc, thiết bị	05	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05	năm

5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

6 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang

7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

7.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn.

Đầu tư ngắn hạn ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn, khoản cho vay ngắn hạn

7.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vốn vào các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng với mục tiêu đầu tư chiến lược lâu dài. Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty sẽ trích lập dự phòng khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh. Chi phí lãi vay được vốn hoá khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí về công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

9.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí ban đầu của các dự án, chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử, sửa chữa lớn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

10 Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Bao gồm những chi phí sau: Chi phí tiền điện, nước, tiền lương, chi phí tiền cơm...

Đối với hoạt động cho thuê đất: chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

$$\text{Giá vốn hoạt động cho thuê đất} = \text{Diện tích đất cho thuê trong kỳ} \times \text{Giá vốn/1m2 đất cho thuê theo dự toán đầu tư} \times \text{Tỷ lệ (\%) ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng}$$

Trong đó: Đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng Hoàn Sơn là 370.000đ/m² diện tích thương phẩm.

12 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 10

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu về các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng: được xác định là giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được chiết khấu theo lãi suất chiết khấu có hiệu lực trên thị trường khi đất và đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được giao cho khách hàng trên thực tế.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận lợi nhuận hay được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Theo Nghị Định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 về quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và Thông Tư Hướng dẫn số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính thì Công ty thực hiện các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với Văn phòng công ty

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2002 đến 2012, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) kể từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 (sáu) năm kể từ năm 2004 đến năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Năm 2009 là năm thứ 4 được miễn 50% thuế TNDN.

Đối với Chi Nhánh Bắc Ninh

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"):

Hoạt động cho thuê đất: Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Hoạt động bán nhà xưởng: Thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm (từ năm 2006 đến năm 2018) sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm (2006-2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo (2009-2015) và được giảm thuế TNDN 30% theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN theo Nghị quyết số 30/2008/HQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

-Doanh nghiệp đã chọn phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm do vậy theo quy định tại điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) số năm bên thuê trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

Đối với Chi Nhánh Tân Tạo

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Cách chính sách thuế khác

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2009	01/01/2009
1 Tiền		
Tiền mặt	2.366.608.458	5.525.268.952
Văn phòng Công ty	339.043.350	721.947.388
Chi nhánh Bắc Ninh	1.854.931.608	17.628.001
Chi nhánh Tân Tạo	172.633.500	4.785.693.563
Tiền gửi ngân hàng	424.790.785.607	8.014.605.348
Văn phòng Công ty	268.144.544.742	2.120.240.738
Chi nhánh Bắc Ninh	108.549.887.004	5.212.517.642
Chi nhánh Tân Tạo	48.096.353.861	681.846.968
Các khoản tương đương tiền (*)	21.160.000.000	-
Văn phòng Công ty	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	21.160.000.000	-
Tổng cộng	448.317.394.065	13.539.874.300
(*) Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay 001/HĐTĐ-CNTT ký ngày 29/12/2009, lãi suất cho vay: 12%/năm, thời hạn cho vay ngắn hạn.		
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	40.000.000.000
Văn phòng Công ty	-	35.000.000.000
Chi nhánh Tân Tạo	-	5.000.000.000
Tổng cộng	-	40.000.000.000
3 Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
3.1 Phải thu khách hàng	17.368.770.781	43.675.811.052
Văn phòng Công ty	5.569.796.144	34.072.113.516
Chi nhánh Bắc Ninh	3.659.926.637	9.603.697.536
Chi nhánh Tân Tạo	8.139.048.000	-
3.2 Trả trước người bán	49.916.847.609	3.192.686.968
Văn phòng Công ty	622.703.828	1.553.460.188
Chi nhánh Bắc Ninh	49.294.143.781	1.639.226.780
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
3.3 Phải thu khác	183.894.374.763	74.286.931.845
Phải thu khác	183.894.374.763	74.286.931.845
Văn phòng Công ty	120.408.085.251	29.642.000
Chi nhánh Bắc Ninh	63.472.182.845	74.257.289.845
Chi nhánh Tân Tạo	14.106.667	-
Tổng Cộng	251.179.993.153	121.155.429.865
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	251.179.993.153	121.155.429.865
4 Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	694.742.767	1.543.511.052
Nguyên vật liệu	38.186.402	38.186.402
Hàng hoá	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi phí sản xuất dở dang	656.556.365	1.505.324.650
Hàng hoá	-	-
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	3.129.000	-
Hàng hoá	3.129.000	-
<i>Chi nhánh Tân Tạo</i>	252.302.881.150	14.988.234.089
Hàng hoá	252.302.881.150	14.988.234.089
Tổng Cộng	253.000.752.917	16.531.745.141
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	253.000.752.917	16.531.745.141
5 Tài sản ngắn hạn khác		
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty		
Số đầu năm	188.295.202	103.786.305
Văn phòng Công ty	188.295.202	103.786.305
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Phát sinh trong năm	1.265.722.795	246.122.390
Văn phòng Công ty	1.240.801.295	246.122.390
Chi nhánh Bắc Ninh	24.921.500	-
Kết chuyển chi phí	924.590.934	161.613.493
Văn phòng Công ty	924.590.934	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Số cuối năm	529.427.063	188.295.202
5.2 Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	4.908.479.402	6.787.635.793
Chi nhánh Bắc Ninh	-	3.658.499.606
Chi nhánh Tân Tạo	24.230.756.724	161.926.190
Cộng	29.139.236.126	10.608.061.589
5.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Tạm ứng	3.659.780.525	8.303.969.686
Văn phòng Công ty	434.767.934	94.011.682
Chi nhánh Bắc Ninh	3.223.132.128	8.112.650.302
Chi nhánh Tân Tạo	1.880.463	97.307.702
Ký quỹ ngắn hạn	2.427.184.296	-
Văn phòng Công ty	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	2.427.184.296	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	6.086.964.821	8.303.969.686
Tổng cộng	35.755.628.010	19.100.326.477

6 Tài sản cố định :

6.1 Tài sản cố định vô hình: Thuyết minh tại trang 31

6.2 Tài sản cố định hữu hình: Thuyết minh tại trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	31/12/2009	01/01/2009
7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:		
Văn phòng Công ty	70.620.648.351	64.819.199.895
Dự án nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung	64.668.146.617	59.304.241.199
Dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành	1.476.117.487	1.426.117.487
Dự án khu Resort Kon Plong	177.669.589	177.669.589
Dự án Công Viên Phần Mềm Thủ Thiêm	4.079.049.203	3.911.171.620
Dự án Tòa nhà ICT 2	219.665.455	-
	204.609.019.243	121.071.904.350
Chi nhánh Bắc Ninh		
Dự án KCN Công Nghệ Cao Đại Đồng - Hoàn Sơn	202.103.831.576	119.783.383.350
Dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng	2.493.187.667	1.276.521.000
Dự án Khu đô thị mới Bắc Tân Lập	12.000.000	12.000.000
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Tổng cộng	275.229.667.594	185.891.104.245

8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2009	01/01/2009
8.1 Đầu tư vào công ty con			
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Chi phí đầu tư	
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	55%	22.000.000.000	14.607.645.133
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	51%	31.690.000.000	31.690.000.000
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina		-	104.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam	60%	130.670.000.000	-
Cộng		184.360.000.000	150.297.645.133

		31/12/2009	01/01/2009
8.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ góp vốn		
(a) Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn		-	3.005.212.000
(b) Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam		-	49.800.000.000
Cộng		-	52.805.212.000

(a) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) góp vốn đầu tư vào Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 134/ĐK-KHCN. Trong năm, Công ty đã rút vốn đầu tư vào Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 1201/BB-HĐQT.2009 ký ngày 01 tháng 12 năm 2009.

(b) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) - Đại diện là Ông Đặng Thành Tâm góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam với số vốn góp là 49.800.000.000 VND chiếm 40% so với vốn điều lệ của Công ty Viễn Đông. Trong năm, công ty đã mua thêm cổ phần để nắm quyền kiểm soát với tỉ lệ sở hữu là 60%. Do đó, Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam trở thành công ty con từ ngày 05 tháng 07 năm 2009 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 06/NQDHDHCD 2009 ký ngày 05 tháng 07 năm 2009.

	31/12/2009	01/01/2009
8.3 Đầu tư dài hạn khác		
Tên công ty đầu tư dài hạn khác		
Công ty CP ĐTXD & VLXD Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	220.000.000.000	200.000.000.000

Thuyết minh này là bộ phận cấu thành của báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng TMCP Miền Tây	208.050.000.000	208.050.000.000
Công ty CP Chứng Khoán Kim Long	-	-
Công ty CPĐT & PTHH Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn	21.000.000.000	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Bản Việt	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Trường ĐHHV	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina	1.000.000.000	16.000.000.000
Đầu tư khác	25.290.525.000	83.745.525.000
Cộng	500.340.525.000	553.795.525.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)	-	-
Tổng Cộng	684.700.525.000	756.898.382.133
9 Tài sản dài hạn khác		
9.1 Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty		
Số đầu năm	11.399.211.088	422.485.324
Phát sinh trong năm	6.170.351.165	11.886.478.878
Kết chuyển chi phí	6.573.345.318	909.753.114
Số cuối năm	10.996.216.935	11.399.211.088
Chi nhánh Bắc Ninh		
Số đầu năm	126.155.155	-
Phát sinh trong năm	124.719.692	126.155.155
Kết chuyển chi phí	84.854.046	-
Số cuối năm	166.020.801	126.155.155
Chi nhánh Tân Tạo		
Số đầu năm	28.610.425	97.250.425
Phát sinh trong năm	-	-
Kết chuyển chi phí	28.610.425	68.640.000
Số cuối năm	-	28.610.425
Công ty Sài Gòn Tel		
Số dư đầu năm	11.553.976.668	519.735.749
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	6.295.070.857	12.012.634.033
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	6.686.809.789	978.393.114
Số dư cuối năm	11.162.237.736	11.553.976.668
9.2 Tài sản dài hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	49.198.250	136.728.623
Ký quỹ điện thoại quốc tế	-	10.000.000
Taxi Mai Linh	10.000.000	-
Ký quỹ Công ty LD KCN VN - SIN	38.198.250	38.198.250
Ký quỹ ngân hàng	-	88.530.373
Ký quỹ khác	1.000.000	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	15.000.000
Chi tiền đặt cọc làm Đại lý Viettel	-	15.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	49.198.250	151.728.623
Tổng Cộng	11.211.435.986	11.705.705.291
10 Nợ ngắn hạn		
10.1 Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
(a) Văn phòng Công ty	41.969.000.000	40.693.090.909
(*) Vay ngắn hạn	21.000.000.000	21.000.000.000
(**) Nợ dài hạn đến hạn trả	20.969.000.000	19.693.090.909
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

(b) Chi nhánh Tân Tạo				
Cộng			41.969.000.000	40.693.090.909
(a) Chi tiết các khoản nợ vay	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Cty ĐTPT HT KCN	21.000.000.000		-	21.000.000.000
Vay DH đến hạn (-)	19.693.090.909	17.598.500.000	16.322.590.909	20.969.000.000
Cộng	40.693.090.909	17.598.500.000	16.322.590.909	41.969.000.000

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn

Khoản vay của Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn. theo hợp đồng vay vốn số 03-2008/HĐVV, ngày 24/11/2008.

Lãi suất: 0,01%/ tháng

Thời hạn cho vay: 06 tháng, ngày đáo hạn 24/5/2010.

(**) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm

Ngân hàng TMCP Nam Việt (khoản vay 21 tỷ) :

Ngân Hàng Đầu tư & PT VN CN Tp.HCM- dự án Kinh Bắc:

Ngân Hàng TMCP Miền Tây - dự án Kinh Bắc (khoản vay 35 tỷ) :

10.2 Phải trả người bán		31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	1.786.704.475		2.530.839.063
Chi nhánh Bắc Ninh	5.008.925.610		8.087.180.590
Chi nhánh Tân Tạo	341.112.000.000		6.400.000.000
Cộng	347.907.630.085		17.018.019.653
10.3 Người mua trả tiền trước		31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	716.422.369		1.654.113.678
Chi nhánh Bắc Ninh	4.986.770.501		41.306.790.300
Chi nhánh Tân Tạo	-		-
Cộng	5.703.192.870		42.960.903.978
10.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	49.746.932		107.953.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.124.795		2.124.795
Thuế thu nhập cá nhân	20.393.675		105.829.144
Các loại thuế khác	27.228.462		-
Chi nhánh Bắc Ninh	12.031.296.027		1.656.018.938
Thuế giá trị gia tăng	7.920.057.349		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.107.097.911		1.629.197.068
Thuế thu nhập cá nhân	3.282.000		26.821.870
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	858.767		-
Chi nhánh Tân Tạo	165.333.427		375.628.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.333.427		375.628.454
Thuế giá trị gia tăng	-		-
Cộng	12.246.376.386		2.139.601.331
10.5 Phải trả người lao động		31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	-		963.395.358
Chi nhánh Bắc Ninh	5.022.222		-
Chi nhánh Tân Tạo	-		-
Cộng	5.022.222		963.395.358

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	31/12/2009	01/01/2009
10.6 Chi phí phải trả	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	9.056.270.530	2.557.937.506
Trích trước chi phí lãi vay	8.320.309.792	1.589.611.778
Trích trước chi phí bản quyền game	366.990.939	-
Chi phí khác	368.969.799	968.325.728
Chi nhánh Bắc Ninh	205.268.732.803	138.947.023.950
Trích trước giá vốn của hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng QSDĐ	205.268.732.803	138.947.023.950
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	214.325.003.333	141.504.961.456
10.7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	-	159.393.043.446
Kinh phí công đoàn	-	7.187.840
Bảo hiểm xã hội	-	25.940.378
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	159.359.915.228
Chi nhánh Bắc Ninh	10.511.100	6.524.600
Kinh phí công đoàn	4.589.200	-
Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp	5.921.900	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.524.600
Chi nhánh Tân Tạo	297.146	706.400
Bảo hiểm xã hội	297.146	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	706.400
Cộng	10.808.246	159.400.274.446
Tổng Cộng	622.167.033.142	404.680.247.131
Dự phòng phải trả ngắn hạn (-)	-	-
Giá trị thuần các khoản Nợ ngắn hạn	622.167.033.142	404.680.247.131

11 Nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
11.1 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	157.160.300.823	1.449.698.831
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.160.300.823	1.449.698.831
Phải trả dài hạn khác	156.000.000.000	-
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Cộng	157.160.300.823	1.449.698.831

11.2 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Văn phòng Công ty	362.757.500.000	101.946.909.091
Vay ngân hàng (*)	62.757.500.000	101.946.909.091
Trái phiếu phát hành (**)	300.000.000.000	-
Chi nhánh Bắc Ninh (*)	114.010.043.545	27.523.000.000
Cộng	476.767.543.545	129.469.909.091

(*)	Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
(a)	BIDV BANK	17.640.000.000	-	6.792.000.000	10.848.000.000
(b)	NAVI BANK	44.000.000.000	-	2.624.000.000	41.376.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

(c) WESTERN BANK	60.000.000.000	-	28.497.500.000	31.502.500.000
(d) VIETIN BANK	27.523.000.000	91.987.043.545	5.500.000.000	114.010.043.545
Trừ vay DH đến hạn	19.693.090.909	17.598.500.000	16.322.590.909	20.969.000.000
Cộng	129.469.909.091	74.388.543.545	21.590.909.091	176.767.543.545

Khoản vay dài hạn 17.640.000.000 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tp Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 00310/2005/0000220 ngày 02 tháng 05 năm 2005, trong hạn mức tín dụng 55.200.000.000 VND với lãi

(a) suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãi cuối kỳ + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả, xây dựng cơ sở hạ tầng cho toàn bộ dự án Khu Công Nghiệp CNTT Kinh Bắc - Bắc Ninh, thời gian vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay dài hạn trên bao gồm:

Khoản vay dài hạn 21.000.000.000 Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 080762/TDTH ngày 19 tháng 08 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 21.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất + 6,8%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng KCN Tân Phú Trung Củ Chi, thời gian vay 60 tháng (án hạn 12 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn 23.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 070234 ngày 21 tháng 08 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại bậc thang cao nhất + 2,84%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng chất lượng cao tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM, thời gian vay 72 tháng (án hạn 18 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất của các lô đất tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi do Công ty Sài Gòn Tel làm chủ sở hữu.

(c) Khoản vay dài hạn 35.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM ngày 29 tháng 3 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãi cuối kỳ + 0,4%/tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, san lấp KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay dài hạn 25.000.000.000 từ Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 2007/HĐTD-DN ngày 18 tháng 10 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả 66 ha đất trong KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh, theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VND với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm.

(d) Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn giai đoạn 61,59 ha. Thời hạn 36 tháng. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Quế Võ theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VND với lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ và biên độ là 3,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng 50.000 m2 nhà xưởng tại khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Công ty phát hành trái phiếu không đảm bảo bằng tài sản nhằm mục đích huy động vốn tài trợ cho dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng. Công ty đã phát hành thành công cho Ngân hàng TMCP Miền Tây với tổng số lượng trái phiếu phát hành: 300.000 trái phiếu, mệnh giá là 1.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn: 5 năm, lãi suất là 12,5%/năm (tiền lãi thanh toán định kỳ 1 lần vào thời điểm đáo hạn, bắt đầu sau 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

12 Vốn Chủ Sở Hữu: (Thuyết minh chi tiết tại trang 34)

a) Tình hình tăng giảm vốn

	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Vốn đầu tư (vốn góp)	585.000.000.000	87.749.980.000	-	672.749.980.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(50.000)	(3.050.000)	-	(3.100.000)
LN chưa phân phối	87.980.236.083	80.958.460.473	96.670.091.247	72.268.605.309
Cộng	672.980.186.083	168.705.390.473	96.670.091.247	745.015.485.309

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2009	1/1/2009
Văn phòng Công ty	27.297.805.693	14.132.273.463
- Số dư đầu kỳ này	73.317.746.260	150.165.532.230
Tăng trong kỳ này	12.635.315.870	12.806.368.061
+ Lợi nhuận tăng trong kỳ	60.682.430.390	137.359.146.169
+ Điều chỉnh tăng khác	87.749.992.500	137.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	2.000.000.000
+ Trích lập các quỹ	87.749.980.000	135.000.000.000
+ Tăng nguồn vốn	12.500	-
+ Điều chỉnh giảm khác	12.865.559.453	27.297.805.693
- Số dư cuối kỳ		
Chi nhánh Bắc Ninh	57.818.865.129	131.339.627.347
- Số dư đầu kỳ này	67.998.214.598	57.818.865.129
Tăng trong kỳ này	67.998.214.598	57.818.865.129
+ Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-
+ Điều chỉnh tăng khác	66.738.963.876	131.339.627.347
Giảm trong kỳ này	8.920.098.747	-
+ Các khoản giảm trừ khác (*)	57.818.865.129	131.339.627.347
+ Chuyển lợi nhuận về văn phòng Công ty	59.078.115.851	57.818.865.129
- Số dư cuối kỳ		
Chi nhánh Tân Tạo	2.863.565.261	6.019.518.822
- Số dư đầu kỳ này	324.930.005	2.863.565.261
Tăng trong kỳ này	324.930.005	2.863.565.261
+ Lợi nhuận tăng trong kỳ này	2.863.565.261	6.019.518.822
Giảm trong kỳ này	-	-
+ Thuế TNDN phải nộp	2.863.565.261	6.019.518.822
+ Chuyển lợi nhuận về văn phòng Công ty	324.930.005	2.863.565.261
- Số dư cuối kỳ		
Công ty Sài Gòn Tel	87.980.236.083	151.491.419.632
- Số dư đầu kỳ này	80.958.460.473	210.847.962.620
Tăng trong kỳ	80.958.460.473	73.488.816.451
+ Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	137.359.146.169
+ Điều chỉnh tăng khác	96.670.091.247	274.359.146.169
Giảm trong kỳ	8.920.098.747	-
+ Thuế TNDN phải nộp	-	2.000.000.000
+ Trích lập các quỹ	87.749.980.000	135.000.000.000
+ Tăng nguồn vốn	12.500	137.359.146.169
+ Điều chỉnh giảm khác	72.268.605.309	87.980.236.083
- Số dư cuối kỳ		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

(*) Khoản truy thu thuế năm 2006 - 2008

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN

	Năm 2009	Năm 2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	585.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	87.749.980.000	135.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	672.749.980.000	585.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	87.749.980.000	135.000.000.000

d). Cổ phiếu

	31/12/2009	1/1/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	67.274.998	58.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	67.274.998	58.500.000
Cổ phiếu thường	67.274.998	58.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	310	5
Cổ phiếu thường	310	5
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.274.688	58.499.995
Cổ phiếu thường	67.274.688	58.499.995
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

13 Nguồn kinh phí và quỹ khác

	31/12/2009	01/01/2009
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	253.912.516	690.159.273
Văn phòng Công ty	207.132.014	659.509.272
Chi nhánh Bắc Ninh	46.780.502	30.650.001
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Tổng cộng	253.912.516	690.159.273

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

KINH DOANH

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
Tổng Doanh Thu	376.857.821.084	1.085.562.689.070
Văn phòng Công ty	31.684.692.184	32.442.871.087
Chi nhánh Bắc Ninh	143.047.809.198	328.013.400.000
Chi nhánh Tân Tạo	202.125.319.702	725.106.417.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	222.808.042.300
Doanh thu thuần	376.857.821.084	862.754.646.770

2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
Văn phòng Công ty	23.590.385.633	27.112.909.625
Chi nhánh Bắc Ninh	66.553.023.148	46.035.145.818
Chi nhánh Tân Tạo	201.728.508.709	719.821.624.142
Tổng Cộng	291.871.917.490	792.969.679.585

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Năm 2009	Năm 2008
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
Văn phòng Công ty	14.581.393.108	20.624.578.716
Chi nhánh Bắc Ninh	184.388.915	375.503.430
Chi nhánh Tân Tạo	320.746.728	546.534.947
Tổng Cộng	15.086.528.751	21.546.617.093
4 Chi phí tài chính		
Văn phòng Công ty	3.867.087.120	7.642.334.635
Chi nhánh Bắc Ninh	105.739.600	23.605.333
Chi nhánh Tân Tạo	83.471.632	1.173.605.615
Tổng Cộng	4.056.298.352	8.839.545.583
5 Chi phí bán hàng		
Văn phòng Công ty	-	137.340.003
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	34.166.462
Tổng Cộng	-	171.506.465
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Văn phòng Công ty	6.400.642.390	5.344.060.494
Chi nhánh Bắc Ninh	3.141.984.330	1.247.041.732
Chi nhánh Tân Tạo	632.398.770	767.131.349
Tổng Cộng	10.175.025.490	7.358.233.575
7 Thu nhập khác		
Văn phòng Công ty	548.492.427	7.726.168.890
Chi nhánh Bắc Ninh	990.333	29.700
Chi nhánh Tân Tạo	393.927.273	-
Tổng Cộng	943.410.033	7.726.198.590
8 Chi phí khác		
Văn phòng Công ty	321.146.706	7.750.587.875
Chi nhánh Bắc Ninh	1.326.270.091	2.912
Chi nhánh Tân Tạo	1.760.040	67.200
Tổng Cộng	1.649.176.837	7.750.657.987
9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.176.881.226	1.449.022.807
Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.135.341.699	74.937.839.258
Văn phòng Công ty	12.635.315.870	12.806.386.061
Chi nhánh Bắc Ninh	72.106.171.277	58.275.095.035
Chi nhánh Tân Tạo	393.854.552	3.856.358.162
Các khoản điều chỉnh tăng	95.900.000	168.888.889
Văn phòng Công ty	-	168.821.889

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi nhánh Bắc Ninh	95.900.000	67.000
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	19.027.487.604	20.278.695.554
Văn phòng Công ty	19.027.487.604	20.278.695.554
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	66.203.754.095	54.828.032.593
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	10% - 20% - 25%	10% - 20% - 28%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.856.135.350	7.169.487.901
Văn phòng Công ty	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	5.757.671.712	6.089.688.800
Chi nhánh Tân Tạo	98.463.638	1.079.799.101
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.679.254.124	5.720.465.094
Văn phòng Công ty	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	1.649.715.033	5.633.458.894
Chi nhánh Tân Tạo	29.539.091	87.006.200
Điều chỉnh Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.176.881.226	1.449.022.807

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không phát sinh.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không phát sinh.
- Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các tổ chức, cá nhân có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu (phải trả)
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền vay	500.000.000	-
Bà Đặng Thị Hoàng Phượng	Tổng giám đốc	Vay tiền Trả tiền vay	88.110.000.000 88.110.000.000	-
Bà Hoàng Thị Lan Hương	Giám đốc chi nhánh Tân Tạo	Vay tiền Lãi cho vay phải thu	21.160.000.000 14.106.667	21.160.000.000 14.106.667



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc	Cổ đông	Bán dịch vụ Web hosting, hệ thống mạng cáp thông tin	1.143.213.234	151.874.741
Công ty Cổ Phần Thanh Toán Trực Tuyến Cộng Đồng Việt	Công ty con	Góp vốn	8.447.645.133	22.000.000.000
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	Công ty con	Thu chi hộ	4.500.000	8.814.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Viễn Đông	Công ty con	Góp vốn	80.870.000.000	130.670.000.000
Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	830.000.000	-
		Thu lại vốn góp	3.835.212.000	-
		Mua TSCĐ (xe Inova) Chi phí thiết kế website theo HD TKWEB/09030201	429.179.517	-
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	Công ty liên quan	Góp vốn đầu tư dài	20.000.000.000	220.000.000.000
		Phải trả khác	2.859.780.384	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	Công ty liên quan	Khoản phải trả dài	156.000.000.000	156.000.000.000

4 Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

11
CỔ
CỔ
NG
3A
7F

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

5 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	49,38	17,39
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	50,62	82,61
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	62,76	44,29
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	37,24	55,71
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,59	2,26
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,59	0,52
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,03
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	22,59	8,40
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	4,05	6,08
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn	%	10,86	10,91

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			17.572.610	-	17.572.610
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-
- Tặng DO hợp nhất KD	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm			17.572.610		17.572.610
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			3.416.903		3.416.903
- Khấu hao trong năm	-	-	5.857.548	-	5.857.548
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm			9.274.451		9.274.451
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	17.572.610	-	17.572.610
Số dư cuối năm	-	-	8.298.159	-	8.298.159

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	38.708.595.128	11.024.000.865	1.876.447.099	828.571.799	-	52.437.614.891
- Mua trong năm	-	130.131.654	1.309.923.519	80.648.759	-	1.520.703.932
- Thanh lý, nhượng bán	-	88.042.036	704.284.000	-	-	792.326.036
Số dư cuối năm	38.708.595.128	11.066.090.483	2.482.086.618	909.220.558	-	53.165.992.787
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.039.448.726	4.435.449.784	924.668.632	604.570.499	-	8.004.137.641
- Khấu hao trong năm	1.559.992.056	1.738.725.560	311.487.040	98.349.237	-	3.708.553.893
- Thanh lý, nhượng bán	-	57.780.224	449.498.974	-	-	507.279.198
Số dư cuối năm	3.599.440.782	6.116.395.120	786.656.698	702.919.736	-	11.205.412.336
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	36.669.146.402	6.588.551.081	951.778.467	224.001.300	-	44.433.477.250
- Tại ngày cuối năm	35.109.154.346	4.949.695.363	1.695.429.920	206.300.822	-	41.960.580.451

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 457.592.677 VNĐ

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
-Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	-	-	-	-	151.491.419.632	601.491.419.632
-Tăng vốn trong năm trước	135.000.000.000	-	-	-	-	(135.000.000.000)	-
-Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	73.488.816.451	73.488.816.451
-Tăng khác	-	-	-	(50.000)	-	-	(50.000)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-
-Tạm trích quỹ khen thưởng tr	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
-Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
-Số dư cuối năm trước Số dư đầu năm nay	585.000.000.000	-	-	(50.000)	-	87.980.236.083	672.980.186.083
-Tăng vốn trong năm nay	87.749.980.000	-	-	-	-	(87.749.980.000)	-
-Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	80.958.460.473	80.958.460.473
-Tăng khác	-	-	-	(3.050.000)	-	-	(3.050.000)
-Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	-
-Tạm trích quỹ khen thưởng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
-Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.920.111.247)	(8.920.111.247)
-Số dư cuối năm nay	672.749.980.000	-	-	(3.100.000)	-	72.268.605.309	745.015.485.309

